

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 2199 /KH-UBND

Gia Lai, ngày 25 tháng 9 năm 2024

KẾ HOẠCH
Hành động thích ứng Quy định không gây mất rừng (EUDR)
trên địa bàn tỉnh Gia Lai

Thực hiện Công văn số 5179/BNN-HTQT ngày 01/8/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai Khung Kế hoạch hành động thích ứng với Quy định không gây mất rừng EU.

Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai ban hành Kế hoạch hành động thích ứng Quy định không gây mất rừng (EUDR) trên địa bàn tỉnh Gia Lai với những nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

- Cụ thể hóa các nhiệm vụ, giải pháp của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn nhằm đảm bảo thực hiện thiết thực, hiệu quả các hoạt động để thích ứng với quy định, tránh ảnh hưởng tới xuất khẩu các ngành hàng cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, cao su... sang thị trường Châu Âu nói riêng và thị trường toàn cầu nói chung, trong bối cảnh Ủy ban Châu Âu (EC) đưa ra thời hạn để thực thi quy định không gây mất rừng (EUDR) chính thức áp dụng vào tháng 12/2024 (tháng 6/2025 đối với doanh nghiệp nhỏ và siêu nhỏ).

- Triển khai, tổ chức tuyên truyền và phổ biến Bộ quy trình hướng dẫn để các địa phương, doanh nghiệp và người dân triển khai các hoạt động cần thiết để thích ứng với quy định của Liên minh Châu Âu (EU) về không gây mất rừng (EUDR) trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức và hành động trong ngành Nông nghiệp và Phát triển nông thôn đảm bảo xây dựng các vùng sản xuất không gây mất rừng, suy thoái rừng, góp phần sản xuất bền vững kết hợp với các mục tiêu bảo tồn tài nguyên, bảo vệ bền vững các hệ sinh thái rừng tự nhiên và đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương.

- Đáp ứng những tiêu chuẩn xanh, chính sách xanh của Liên minh Châu Âu (EU) cũng là cơ hội giúp giảm thiểu chi phí, nâng cao hiệu quả kinh doanh cho doanh nghiệp. Việc từng doanh nghiệp tham gia chuyển đổi xanh sẽ góp phần quan trọng thúc đẩy tiến trình phát triển kinh tế xanh ở địa phương; mang đến sự bảo đảm nhất định cho khả năng xuất khẩu của doanh nghiệp tới các thị trường phát triển khác vốn cũng đang thúc đẩy các hành động tương tự.

2. Yêu cầu

- Xác định rõ các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu để các sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố; các tổ chức, cơ quan, đơn vị có liên quan xây dựng kế hoạch; tổ chức triển khai, kiểm tra, giám sát việc thực hiện quy định sản xuất, xuất khẩu các hàng hóa; chuẩn bị đầy đủ các điều kiện cần thiết cho các loại hàng hóa nông lâm sản của tỉnh đảm bảo quy định về chuỗi các giá trị sản phẩm không gây mất rừng, suy thoái rừng khi nhập khẩu vào Châu Âu nói riêng và thị trường toàn cầu nói chung.

- Đảm bảo tuân thủ các quy định của Nhà nước về cung cấp thông tin, bảo vệ bí mật nhà nước theo ngành, lĩnh vực quản lý.

- Xác định rõ các nội dung, nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, gắn với chức năng nhiệm vụ của từng cơ quan, đơn vị để triển khai thực hiện một cách đồng bộ, hiệu quả.

- Kế hoạch cần sự tham gia có trách nhiệm, hiệu quả của các cơ quan, đơn vị có liên quan; huy động mọi nguồn lực hợp pháp từ các thành phần kinh tế.

II. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Triển khai các giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng (EUDR); xây dựng, kế thừa cơ sở dữ liệu về rừng và các loài cây trồng khác làm nền tảng để cung cấp bằng chứng cho các nhà nhập khẩu các sản phẩm hàng hóa không gây mất rừng; thích ứng và tăng tính cạnh tranh cho sản phẩm của các ngành hàng xuất khẩu của tỉnh Gia Lai, thúc đẩy thị trường xuất khẩu của Việt Nam tại Châu Âu và các thị trường quan trọng khác như Hoa Kỳ, Nhật Bản, Hàn Quốc.

- Hỗ trợ xây dựng các cơ sở dữ liệu vùng trồng sản xuất không gây phá rừng, suy thoái rừng, sản xuất bền vững kết hợp với các mục tiêu bảo tồn tài nguyên và đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương, xây dựng các chuỗi cung ứng quy mô lớn, bền vững cho các loại hàng hóa nông lâm sản của tỉnh đáp ứng với các yêu cầu của thị trường và Liên minh Châu Âu (EU) trong giai đoạn 2023-2030.

- Tập trung quản lý và giám sát chặt chẽ vùng nguy cơ rủi ro cao (các vùng trồng xen kẽ rừng, tiếp giáp rừng) đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR, chú trọng các mặt hàng như: Cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, cao su... và một số mặt hàng nông nghiệp thế mạnh khác (nếu có); tăng cường công tác tuần tra, giám sát để bảo vệ rừng.

2. Mục tiêu cụ thể

- Xây dựng và triển khai các giải pháp truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng, có gắn với tọa độ địa lý và tích hợp mã số vùng trồng của từng vườn đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR để sản phẩm đưa ra

thị trường hoặc xuất khẩu đảm bảo nguồn gốc hợp pháp theo đúng quy định EUDR và các quy định của Việt Nam.

- Chủ động triển khai đồng bộ nhiều giải pháp để phát triển nông nghiệp tinh nhà theo hướng hiện đại, hiệu quả và bền vững; nhân rộng các vùng sản xuất nông nghiệp hàng hóa, quy mô lớn gắn với chế biến tập trung; tổ chức sản xuất theo chuỗi đối với các sản phẩm chủ lực; khuyến khích phát triển nông nghiệp sạch, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp công nghệ cao góp phần phát triển nông nghiệp bền vững, lâu dài, kết hợp với các mục tiêu bảo tồn tài nguyên, bảo vệ bền vững các hệ sinh thái rừng tự nhiên và đảm bảo an sinh xã hội tại địa phương; áp dụng các chứng chỉ bền vững đối với các ngành hàng như: Cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, cao su... và một số mặt hàng nông nghiệp thế mạnh khác (nếu có). Hỗ trợ chuyển đổi, cải thiện sinh kế cho nông dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, người dân sống ở khu xen kẽ rừng, tiếp giáp rừng, vùng sâu, vùng xa để đáp ứng quy định EUDR.

- Tiếp tục khẳng định phát triển nông, lâm nghiệp bền vững là thế mạnh và là nền tảng ổn định lâu dài, coi đây là nhiệm vụ then chốt để phát triển kinh tế, nâng cao đời sống Nhân dân trên địa bàn tỉnh.

III. NỘI DUNG, NHIỆM VỤ

1. Xây dựng khung hợp tác trong thực hiện quy định không gây mất rừng (EUDR)

Thành lập nhóm Công tác công tư cấp tỉnh cho các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR, như: nhóm Công tác ngành hàng gỗ và lâm sản, nhóm công tác ngành hàng như: Cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, cao su...; triển khai các hoạt động hợp tác công tư; thực hiện các hoạt động và chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu cấp tỉnh cho các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR; phối hợp với nhóm công tác chung và nhóm công tác các ngành hàng ở trung ương, các tổ chức quốc tế xây dựng các thỏa thuận hợp tác và hỗ trợ triển khai thực hiện các hợp tác công tư; xây dựng các chương trình, dự án để kêu gọi đầu tư công, tư và tài trợ quốc tế để triển khai thực hiện các hoạt động trên. Cân đối, tham mưu bố trí nguồn lực từ ngân sách địa phương hỗ trợ các chuỗi giá trị ngành hàng thích ứng với quy định EUDR.

2. Tuyên truyền, phổ biến quy định EUDR

2.1. Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho các ngành hàng đáp ứng các yêu cầu của EUDR

- Phối hợp chặt chẽ với Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và sự hỗ trợ của các tổ chức quốc tế để xây dựng, hướng dẫn kỹ thuật cho các ngành hàng đáp ứng các quy định của EUDR; đồng thời, thường xuyên thu thập, cập nhật các tài liệu, văn bản về cơ chế, chính sách của Trung ương và các Bộ, ngành và Ủy ban Liên minh Châu Âu có liên quan đến quy định EUDR để kịp thời chia sẻ và phản hồi thông tin với các doanh nghiệp nhập khẩu hàng vào thị trường EU, theo yêu cầu của Ủy ban Liên minh Châu Âu.

- Tổ chức các buổi tập huấn nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức về tính hợp pháp trong sản xuất, kinh doanh của các mặt hàng nông lâm sản nói chung và quy định EUDR nói riêng để các hộ nông dân, các công ty xuất khẩu ý thức được tầm quan trọng của việc truy xuất nguồn gốc nông lâm sản, qua đó tích cực và chủ động thực hiện các hoạt động cần thiết để tăng cường tính minh bạch đối với nguồn gốc sản phẩm và giảm thiểu rủi ro trong chuỗi cung ứng.

2.2. Tuyên truyền phổ biến quy định EUDR đến các cơ quan quản lý các cấp, các tác nhân trong các chuỗi giá trị ngành hàng

- Thường xuyên thông tin tuyên truyền, phổ biến tài liệu về quy định EUDR của Ủy ban Liên minh Châu Âu đến các đối tượng nhằm thúc đẩy sản xuất nông lâm nghiệp bền vững, chuyển đổi sang chuỗi cung ứng không phá rừng; hỗ trợ chuyển đổi, cải thiện sinh kế cho nông dân, đặc biệt người dân tộc thiểu số ở khu xen kẽ rừng và tiếp giáp rừng. Chính quyền địa phương các cấp; các sở, ban ngành và cơ quan, đơn vị, đoàn thể, các hiệp hội ngành hàng; các tổ chức, doanh nghiệp; các hợp tác xã; cộng đồng và người dân, đặc biệt các hộ sản xuất cung ứng nguyên liệu, chế biến các loại hàng hóa thuộc phạm vi ảnh hưởng bởi quy định EUDR.

- Thông tin truyền thông trên các phương tiện thông tin đại chúng, phát thanh trên sóng truyền hình, loa phóng thanh ở cơ sở nơi sinh hoạt cộng đồng của các khu dân cư, các trang mạng xã hội; lồng ghép thông tin trong các chương trình tập huấn tuyên truyền từ các chương trình, dự án hỗ trợ trong nước và quốc tế trên địa bàn tỉnh.

- Tuyên truyền, phổ biến các quy định về EUDR, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đến các cơ quan quản lý các cấp, các tác nhân trong các chuỗi giá trị ngành hàng gỗ, lâm sản,... để sản phẩm đưa ra thị trường hoặc xuất khẩu đảm bảo theo đúng quy định EUDR; vận động các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân sinh sống gần rừng, ven rừng ký cam kết không phá rừng, lấn, chiếm rừng, đất rừng trái pháp luật.

3. Các giải pháp kỹ thuật

3.1. Xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cấp huyện về khu vực vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa bị ảnh hưởng bởi quy định EUDR

- Cập nhật số liệu bản đồ địa chính số hóa đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp cho các trang trại, vườn trồng theo các loài cây trồng; tập trung vào các loại hàng hóa nông, lâm sản có ảnh hưởng bởi quy định EUDR như: Cà phê, gỗ và sản phẩm gỗ, cao su...

- Điều tra, rà soát bổ sung đối với diện tích chưa có bản đồ địa chính (chưa cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất) về loại cây trồng; từ đó rà soát, thống nhất diện tích vùng trồng các loại cây nông, lâm sản chính có ảnh hưởng bởi quy định EUDR chồng lấn diện tích rừng trên bản đồ và ngoài thực địa. Căn cứ trên dữ liệu về rừng và vùng trồng, phân định các vùng có nguy cơ phá rừng cao (các vùng trồng xen kẽ rừng, có nguy cơ cao xâm hại đến tài nguyên rừng

sau thời điểm 31/12/2020), trung bình (các vùng trồng tiếp giáp giữa đất đã canh tác với đất rừng), thấp (các vùng trồng tập trung cách xa rừng đã canh tác ổn định không liên quan đến mất rừng trước thời điểm 31/12/2020); cơ sở dữ liệu cấp huyện về bản đồ vùng trồng được tổng hợp chung cho toàn tỉnh.

- Xây dựng và công nhận cơ sở dữ liệu quốc gia về vùng trồng; xây dựng cơ chế chia sẻ và phản hồi thông tin về vùng trồng; xây dựng và triển khai truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR trên địa bàn tỉnh.

3.2 Tiếp tục xây dựng và triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng, có gắn với định vị điểm (Points) và ranh giới số (Polygon) của từng vườn đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR

- Tăng cường xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm nông, lâm sản gắn với chỉ dẫn địa lý vùng trồng theo quy định EUDR; đồng thời, tích hợp được các thông tin truy xuất nguồn gốc đất có rừng và không có rừng, chất lượng an toàn lao động và vệ sinh môi trường cấu thành trong sản phẩm.

- Tiếp nhận hoặc xây dựng và công nhận cơ sở dữ liệu quốc gia về rừng tự nhiên và vùng trồng. Rà soát và thống nhất bản đồ thực địa; chia sẻ, cập nhật và số hóa dữ liệu bản đồ địa chính các vườn trồng và điều tra bổ sung đối với các vườn chưa có trên bản đồ địa chính; dựa trên dữ liệu về rừng và vùng trồng, phân định các vùng có nguy cơ phá rừng cao, trung bình và thấp, từ đó xác định các giải pháp phù hợp trong việc giám sát, bảo vệ và khôi phục rừng, thiết lập hệ thống truy xuất, hỗ trợ sinh kế, sản xuất bền vững; xây dựng cơ chế và triển khai thực hiện việc chia sẻ và phản hồi thông tin với các doanh nghiệp nhập khẩu hàng vào Liên minh Châu Âu (EU), theo yêu cầu của Ủy ban Châu Âu (EC).

- Dựa trên dữ liệu về rừng và vùng trồng, phân định các vùng có nguy cơ phá rừng cao, trung bình và thấp, từ đó xác định các giải pháp phù hợp trong việc giám sát, bảo vệ và khôi phục rừng; thiết lập hệ thống truy xuất, hỗ trợ sinh kế, sản xuất bền vững.

3.3. Tăng cường triển khai công tác quản lý bảo vệ rừng, giám sát sự biến động rừng, kiểm kê theo dõi diễn biến rừng; xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ hiện trạng rừng

- Giám sát chặt chẽ vùng nguy cơ rủi ro cao (các vùng trồng đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR, đặc biệt là cà phê, cao su... xen kẽ rừng và tiếp giáp rừng). Tiếp tục triển khai thực hiện có hiệu quả các nghị quyết, chương trình, đề án, cụ thể: Nghị quyết số 29/NQ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2024 của Chính phủ ban hành Chương trình hành động thực hiện Kết luận số 61-KL/TW ngày 17 tháng 8 năm 2023 của Ban Bí thư về tiếp tục thực hiện Chỉ thị số 13-CT/TW ngày 12 tháng 01 năm 2017 của Ban Bí thư về tăng cường sự lãnh đạo của Đảng đối với công tác quản lý, bảo vệ và phát triển rừng; Quyết định 171/QĐ-TTg ngày 07 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê

duyệt Đề án nâng cao chất lượng rừng nhằm bảo tồn hệ sinh thái rừng và phòng, chống thiên tai đến năm 2030; Quyết định 208/QĐ-TTg ngày 29 tháng 02 năm 2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án phát triển đa dụng của hệ sinh thái rừng đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2050; Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 20/01/2022 của Tỉnh ủy về phát triển lâm nghiệp theo hướng bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030; Chương trình hành động số 899/CTr-UBND ngày 09/5/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh về phát triển lâm nghiệp bền vững, tăng cường sinh kế, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng thích ứng với biến đổi khí hậu tỉnh Gia Lai giai đoạn 2021-2030; Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 03/7/2019 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về bảo tồn và phát triển cây dược liệu trên địa bàn tỉnh Gia Lai đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; ...

- Tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng nhằm ngăn chặn và xử lý kịp thời các hành vi xâm hại đến tài nguyên rừng, đặc biệt là các hành vi phá rừng, lấn, chiếm rừng, đất rừng trái pháp luật; giám sát các chủ rừng là tổ chức, cộng đồng dân cư, hộ gia đình, cá nhân được Nhà nước giao rừng triển khai các giải pháp bảo vệ rừng trên lâm phần được giao quản lý theo nội dung chỉ đạo của Ban Bí thư Trung ương Đảng tại Chỉ thị số 13-CT/TW, Kết luận số 61-KL/TW, Nghị quyết số 29/NQ-CP, Luật Lâm nghiệp và nội dung các hiệp định mà Việt Nam đã ký kết.

- Quản lý bảo vệ và phát triển bền vững diện tích rừng tự nhiên hiện có, bảo tồn, nâng cao chất lượng rừng tự nhiên và hạn chế tối thiểu rừng bị suy thoái, đặc biệt là rừng đặc dụng, đồng thời, nâng cao năng suất, chất lượng và phát huy giá trị từng loại rừng, góp phần đáp ứng các yêu cầu về giảm nhẹ thiên tai, bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó với biến đổi khí hậu; tăng cường năng lực thực thi pháp luật, giảm căn bản tình trạng vi phạm pháp luật trong lĩnh vực lâm nghiệp, chú trọng công tác phòng cháy chữa cháy rừng, phòng trừ sâu bệnh hại rừng.

- Tập trung kiểm tra, hướng dẫn, đôn đốc việc xây dựng và thực hiện Phương án quản lý rừng bền vững của các đơn vị chủ rừng là tổ chức, chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư hoặc nhóm hộ, tổ hợp tác có hoạt động du lịch sinh thái theo quy định; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện có hiệu quả các cơ chế, chính sách, giải pháp để hỗ trợ, khuyến khích các chủ rừng, đặc biệt chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư, hợp tác xã hoặc hộ gia đình, cá nhân liên kết hình thành nhóm hộ xây dựng, thực hiện phương án quản lý rừng bền vững, hướng đến cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững theo các hướng dẫn tại Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Nghị định số 91/2024/NĐ-CP ngày 18/7/2024 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp, Quyết định số 1288/QĐ-TTg ngày 01/10/2018 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án Quản lý rừng bền vững và Chứng chỉ rừng,

Thông tư số 28/2018/TT-BNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững, Thông tư số 13/2023/TT-BNNPTNT ngày 30/11/2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 28/2018/TTBNNPTNT ngày 16/11/2018 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn quy định về quản lý rừng bền vững và các quy định pháp luật khác có liên quan để đáp ứng Quy định EUDR...

- Tập trung điều tra, kiểm kê, theo dõi diễn biến rừng; xây dựng cơ sở dữ liệu rừng và đất lâm nghiệp, bản đồ hiện trạng rừng; đẩy nhanh việc đo đạc, xác định ranh giới, sớm hoàn thành việc cắm mốc lâm phần cho các chủ rừng trên bản đồ và ngoài thực địa nhằm đảm bảo quản lý chặt chẽ và hiệu quả đối với rừng và đất lâm nghiệp; thực hiện cơ chế chia sẻ thông tin, dữ liệu về rừng và đất lâm nghiệp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để khai thác, sử dụng; triển khai thực hiện có hiệu quả Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1750/QĐ-TTg ngày 30 tháng 12 năm 2023.

3.4. Xây dựng các mô hình chuyển đổi sinh kế bền vững tại các vùng rủi ro

- Xây dựng các mô hình chuyển đổi cơ cấu cây trồng thích ứng với biến đổi khí hậu góp phần phát triển kinh tế nông lâm nghiệp; bảo vệ, khôi phục và phát triển bền vững hệ sinh thái rừng, bảo tồn đa dạng sinh học phù hợp với Quy hoạch tỉnh Gia Lai thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 tại Quyết định số 1750/QĐ-TTg.

- Việc xây dựng các mô hình chuyển đổi sinh kế bền vững tại các vùng rủi ro phải đáp ứng yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh, tạo việc làm và nâng cao đời sống, cải thiện sinh kế nhân dân, đặc biệt là người dân tộc thiểu số, người dân sống ở khu xen kẽ rừng, tiếp giáp rừng, vùng sâu, vùng xa cho người dân.

4. Xây dựng và vận hành cơ chế đối thoại và đàm phán với EU và các quốc gia thành viên về EUDR và các quy định khác

- Xây dựng và vận hành cơ chế đối thoại và đàm phán với EU và các quốc gia thành viên về EUDR.

- Xây dựng cơ chế và triển khai thực hiện việc chia sẻ và phản hồi thông tin với các doanh nghiệp nhập khẩu hàng hóa vào liên minh Châu Âu (EU), theo yêu cầu của Ủy ban Châu Âu (EC). Nghiên cứu, đề xuất cấp có thẩm quyền xây dựng các cơ chế, chính sách hỗ trợ liên quan đến các mặt hàng nông lâm sản xuất khẩu đáp ứng các quy định EUDR.

5. Huy động nguồn lực

- Huy động hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế như: Liên minh Châu Âu (EU), Tổ chức Sáng kiến Thương mại Bền vững IDH, Koninklijke Douwe Egberts BV,... triển khai các chương trình dự án tiếp cận

theo hướng cải thiện cảnh quan rừng, canh tác bền vững, bảo vệ tài nguyên và an sinh xã hội; từ đó góp phần giảm mất rừng, suy thoái rừng thông qua các giải pháp: (1) Hỗ trợ giám sát biến động tài nguyên rừng thông qua áp dụng các ứng dụng công nghệ số GIS, công nghệ viễn thám; (2) Tăng cường sự tham gia của khu vực tư nhân trong triển khai liên kết công tư; (3) Hỗ trợ xây dựng các chuỗi cung ứng ngành hàng bền vững không gây phương hại đến rừng gắn với kiểm soát việc truy xuất nguồn gốc.

- Huy động các nguồn lực theo hợp tác công tư, trên cơ sở kế thừa những dữ liệu, thông tin sẵn có của địa phương; chủ động bố trí sẵn nguồn nhân lực để triển khai thực hiện kế hoạch. Xây dựng nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện kế hoạch giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng cho các ngành hàng nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

(Chi tiết tại Khung Kế hoạch hành động thích ứng với Quy định không gây mất rừng Châu Âu (EUDR) kèm theo)

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Nguồn kinh phí thực hiện Kế hoạch bao gồm:

1. Kinh phí để thực hiện Kế hoạch từ nguồn ngân sách Nhà nước đảm bảo theo phân cấp quản lý ngân sách hiện hành của Luật Ngân sách Nhà nước, Luật Đầu tư công và các quy định của pháp luật liên quan; kinh phí từ các chương trình mục tiêu quốc gia và các đề án, dự án, kế hoạch khác.

2. Nguồn xã hội hóa và các nguồn vốn tài trợ, viện trợ, nguồn huy động hợp pháp khác từ các tổ chức, cá nhân trong và ngoài nước theo quy định của pháp luật.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Là cơ quan đầu mối, chủ trì triển khai thực hiện Kế hoạch này; định kỳ hàng năm hoặc đột xuất báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn khi có yêu cầu.

b) Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị, địa phương có liên quan phổ biến quy định EUDR, tài liệu hướng dẫn kỹ thuật đến các chủ rừng và đơn vị có liên quan khác để triển khai thực hiện.

c) Chủ trì, phối hợp với các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố, các cơ quan, đơn vị liên quan thành lập Nhóm Công tác công tư cấp tỉnh.

d) Triển khai có hiệu quả Biên bản ghi nhớ giữa Vụ Hợp tác quốc tế, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn với Tổ chức Sáng kiến Thương mại Bền vững IDH, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn 05 tỉnh Tây Nguyên, Hiệp hội Cà phê Ca cao Việt Nam và Koninklijke Douwe Egberts BV.

đ) Chủ trì, phối hợp với Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố huy động các nguồn lực từ các nhà tài trợ, viện trợ, sử dụng các dự án vốn ODA từ các tổ chức quốc tế: Phái đoàn Liên minh châu Âu tại Việt Nam, Tổ chức Sáng kiến thương mại bền vững IDH,... để triển khai Kế hoạch hiệu quả.

e) Dựa trên cơ sở dữ liệu về rừng và các vùng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi quy định EUDR, phối hợp với chính quyền địa phương các huyện, thị xã, thành phố tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xác định các vùng có nguy cơ phá rừng cao, trung bình và thấp; đồng thời, đề xuất giải pháp phù hợp trong công tác quản lý, bảo vệ và khôi phục rừng.

g) Phối hợp với các sở, ban, ngành, đơn vị liên quan tiếp tục tăng cường kiểm tra và hỗ trợ các doanh nghiệp, tổ chức, nông hộ triển khai hoạt động sản xuất, kinh doanh tiêu thụ hàng hóa nông lâm sản ảnh hưởng bởi quy định EUDR theo hướng: (1) Duy trì và tiếp tục phát triển chuỗi giá trị cung ứng hàng hóa bền vững không gây mất rừng, suy thoái rừng; (2) Sản phẩm hàng hóa phải tuân thủ các yêu cầu liên quan khác về môi trường, lao động, bảo tồn hiện trạng tài nguyên khu vực sản xuất hàng hóa theo các tiêu chí của hệ thống chứng nhận/kiểm tra; (3) Tiếp tục triển khai các chính sách, quy định hiện hành, các chỉ đạo của Ủy ban nhân dân tỉnh và các Bộ ngành liên quan; kết hợp lồng ghép thực hiện các chương trình dự án của các tổ chức quốc tế để hỗ trợ chuyển đổi, cải thiện sinh kế cho người dân sinh sống xen kẽ rừng và tiếp giáp rừng; thiết lập hệ thống truy xuất, hỗ trợ sinh kế, sản xuất bền vững để đáp ứng quy định EUDR.

h) Tổ chức kiểm tra, theo dõi việc triển khai thực hiện Kế hoạch; kịp thời tổng hợp, giải quyết theo thẩm quyền hoặc tham mưu, đề xuất cấp có thẩm quyền xem xét chỉ đạo, xử lý, giải quyết các vấn đề phát sinh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư

a) Tham mưu, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí nguồn lực để hỗ trợ các chuỗi giá trị ngành hàng nông lâm sản chính thích ứng với EUDR.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Sở Tài chính và đơn vị có liên quan tham mưu bố trí nguồn lực để hỗ trợ để triển khai thực hiện các hoạt động có liên quan đến quy định xuất khẩu hàng hóa gây mất rừng và suy thoái rừng của Châu Âu.

c) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn triển khai các hoạt động hợp tác Công tư trong tổ chức, triển khai thực hiện Kế hoạch Hành động thích ứng Quy định không gây mất rừng (EUDR) trên địa bàn tỉnh Gia Lai.

3. Sở Tài chính

Trên cơ sở đề xuất của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các địa phương, đơn vị có liên quan, Sở Tài chính rà soát, tổng hợp, cân đối theo khả năng ngân sách, tham mưu báo cáo cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định bố trí vốn sự nghiệp để triển khai các hoạt động hỗ trợ xây dựng các chuỗi giá trị ngành hàng nông lâm sản liên quan đến Quy định EUDR theo đúng quy định

của Luật Ngân sách nhà nước và phân cấp quản lý ngân sách hiện hành và các quy định có liên quan.

4. Sở Tài nguyên và Môi trường

Căn cứ chức năng, nhiệm vụ được giao phối hợp chặt chẽ với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố và các đơn vị liên quan trong việc thực hiện điều tra, rà soát bổ sung đối với diện tích chưa có bản đồ địa chính vùng trồng, giám sát, quản lý, hướng dẫn việc chuyển đổi mục đích sử dụng đất sản xuất nông lâm nghiệp theo hướng bền vững kết hợp với các mục tiêu bảo tồn tài nguyên và đảm bảo an sinh xã hội và phù hợp với quy hoạch sử dụng đất theo quy định của pháp luật; thông tin đầy đủ quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và dữ liệu bản đồ địa chính để quản lý, sử dụng theo Quy định EUDR.

5. Sở Ngoại vụ

Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cùng các cơ quan liên quan trong việc huy động hỗ trợ tài chính, kỹ thuật từ các tổ chức quốc tế, tổ chức phi chính phủ nước ngoài để triển khai các chương trình, dự án.

6. Sở Công Thương

Phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan thường xuyên cung cấp thông tin, hướng dẫn cho doanh nghiệp, hợp tác xã những quy định xuất khẩu hàng hóa có quy định liên quan đến gây mất rừng và suy thoái rừng của Châu Âu (EU); hỗ trợ doanh nghiệp, hợp tác xã của tỉnh tham gia các hoạt động quảng bá, giới thiệu, xúc tiến thương mại và kết nối tiêu thụ, xuất khẩu đối với sản phẩm nông lâm sản của tỉnh theo đúng quy định về không gây mất rừng và suy thoái rừng của Châu Âu (EU).

7. Sở Thông tin và Truyền thông

a) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan phổ biến Quy định EUDR đến các cơ quan quản lý các cấp, các đơn vị liên quan trong các chuỗi giá trị ngành hàng và sản phẩm có liên quan đến gây mất rừng và suy thoái rừng của Châu Âu (EU); hỗ trợ ứng dụng công nghệ thông tin trong truy xuất nguồn gốc hàng hóa theo chỉ dẫn địa lý và các thông tin liên quan theo yêu cầu quy định EUDR.

b) Chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị liên quan hướng dẫn các cơ quan báo chí trên địa bàn tỉnh, hệ thống thông tin cơ sở thông tin, tuyên truyền các nội dung của Kế hoạch.

8. Sở Khoa học và Công nghệ

a) Chủ trì, phối hợp Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan có liên quan duy trì và phát triển chỉ dẫn địa lý; quảng bá, giới thiệu, đăng ký bảo hộ ra nước ngoài cho sản phẩm mang chỉ dẫn địa lý đáp ứng theo quy định thị trường Châu Âu.

b) Phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn trong định hướng nghiên cứu, lựa chọn, đưa vào sản xuất một số giống mới, áp dụng công nghệ mới; đẩy mạnh ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, chuyển giao công nghệ cao, thiết bị mới tiên tiến vào sản xuất chế biến, đảm bảo tiêu chuẩn, chất lượng đáp ứng yêu cầu thị trường Châu Âu.

c) Ưu tiên nghiên cứu và triển khai ứng dụng các nhiệm vụ khoa học công nghệ trong theo dõi diễn biến tài nguyên rừng, phát hiện sớm mất rừng và suy thoái rừng; hướng dẫn, hỗ trợ áp dụng các giải pháp truy xuất nguồn gốc sản phẩm hàng hóa đảm bảo đầy đủ các thông tin truy xuất theo chỉ dẫn địa lý và các thông tin liên quan theo quy định của EUDR và phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, quốc tế về truy xuất nguồn gốc.

9. Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai, Báo Gia Lai

Tăng cường thực hiện các hoạt động thông tin truyền thông với nội dung, thời lượng tuyên truyền về Quy định không gây mất rừng (EUDR) của Ủy ban Châu Âu (EC).

10. Trân trọng đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội

Chủ động, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các sở, ban, ngành có liên quan triển khai Kế hoạch có hiệu quả; tuyên truyền, phổ biến Quy định không gây mất rừng (EUDR); đẩy mạnh công tác truyền thông và vận động đoàn viên, hội viên, Nhân dân tham gia phát triển sản xuất nông sản hàng hóa theo tiêu chuẩn nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, nông nghiệp tuần hoàn, đảm bảo an toàn thực phẩm; sử dụng hiệu quả các nguồn tài nguyên và bảo vệ môi trường sinh thái; sản xuất có trách nhiệm với người tiêu dùng và xã hội.

11. Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố

Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch hoạt động thích ứng Quy định không gây mất rừng (EUDR) trên địa bàn đảm bảo các nhiệm vụ chung của tỉnh, tập trung vào các nội dung cụ thể sau:

a) Tuyên truyền, vận động và thông tin nội dung về Quy định không gây mất rừng (EUDR) của Ủy ban Châu Âu (EC) đến các tổ chức, doanh nghiệp, cá nhân, hộ gia đình tại địa phương có hoạt động liên quan đến ngành hàng nông lâm sản ảnh hưởng bởi quy định.

b) Chủ trì, phối hợp với các đơn vị chủ rừng xây dựng cơ sở dữ liệu cấp huyện, cấp xã về khu vực rừng, khu vực đất lâm nghiệp và vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR.

c) Xây dựng và triển khai truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng, có gắn với định vị của từng vườn đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR trên địa bàn huyện, thành phố.

d) Chỉ đạo Hạt Kiểm lâm phối hợp với chính quyền địa phương các xã thôn, lực lượng vũ trang, lực lượng chuyên trách bảo vệ rừng của các chủ rừng và cộng đồng người dân bảo vệ rừng tăng cường các hoạt động tuần tra, kiểm tra bảo vệ rừng; giám sát chặt chẽ vùng nguy cơ rủi ro cao (các vùng trồng các loại cây thuộc các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR, đặc biệt là cà phê, cao su... xen kẽ rừng) để theo dõi cập nhật vào cơ sở dữ liệu khu vực rừng, khu vực đất lâm nghiệp và vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi quy định EUDR.

đ) Bố trí ngân sách địa phương và huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để triển khai Kế hoạch trên địa bàn theo quy định của pháp luật.

e) Tổ chức triển khai, quản lý, đánh giá, nghiệm thu kết quả thực hiện các dự án thuộc địa phương quản lý; kiểm tra, giám sát thực hiện, định kỳ báo cáo tiến độ và kết quả thực hiện; tổ chức sơ kết, tổng kết thực hiện ở địa phương.

g) Vận động các tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã, chủ trang trại, hộ gia đình, cá nhân tham gia xây dựng hệ thống truy xuất nguồn gốc hàng hóa nông lâm sản theo hướng huy động nguồn lực từ hình thức xã hội hội hóa.

12. Các cơ quan, đơn vị khác có liên quan

Theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được pháp luật quy định, có trách nhiệm phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, cơ quan Kiểm lâm các cấp; Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố tuyên truyền phổ biến cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động và Nhân dân về quy định EUDR.

Trên đây là Kế hoạch hành động thích ứng Quy định không gây mất rừng (EUDR) trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân tỉnh yêu cầu các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố và đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh phối hợp triển khai thực hiện đồng bộ, có hiệu quả các nội dung nêu trên. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, khó khăn, các cơ quan, đơn vị báo cáo về Ủy ban nhân dân tỉnh (qua Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn) để phối hợp tháo gỡ kịp thời./.

Nơi nhận:

- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ban Thường trực Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh;
- Các tổ chức chính trị - xã hội tỉnh;
- Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh;
- Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã, thành phố;
- Lãnh đạo Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Đài Phát thanh - TH Gia Lai;
- Báo Gia Lai;
- Lưu: VT, KTTH, KGVX, NC, NL.





Kế hoạch hành động thích ứng với quy định không gây mất rừng Châu Âu (EUDR)
kèm theo Kế hoạch số 199 /KH-UBND ngày 25 / 9 /2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh

STT	Các nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
I	Xây dựng khung hợp tác công tư trong thực hiện EUDR			
1	Thành lập các Nhóm Công tác công tư cấp tỉnh cho các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR; thực hiện các hoạt động và chia sẻ thông tin, cơ sở dữ liệu	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố	Năm 2024
2	Xây dựng các thỏa thuận hợp tác; triển khai các hoạt động hợp tác công tư	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố	Hàng năm
II	Tuyên truyền phổ biến quy định EUDR			
1	Xây dựng hướng dẫn kỹ thuật cho các ngành hàng đáp ứng các yêu cầu của EUDR	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố	Đến tháng 6/2025
2	Tuyên truyền, phổ biến quy định EUDR đến các cơ quan quản lý các cấp, các tác nhân trong các chuỗi giá trị ngành hàng	Đài Phát thanh - Truyền hình Gia Lai; Báo Gia Lai; Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố	Hàng năm

STT	Các nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
III	Các giải pháp kỹ thuật			
1	Xây dựng cơ sở dữ liệu cấp tỉnh, cấp huyện về khu vực vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi quy định EUDR			2024-2025
1.1.	Xây dựng cơ sở dữ liệu cấp huyện, cấp xã về khu vực rừng, khu vực đất lâm nghiệp và vùng trồng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR	UBND các huyện, thị xã và thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT, Sở Tài nguyên và Môi trường và các tổ chức, cá nhân có liên quan	2024-2025
1.2	Cập nhật và số hóa dữ liệu bản đồ địa chính các vườn trồng tạo sản phẩm hàng hóa có ảnh hưởng bởi Quy định EUDR trên địa bàn tỉnh	Sở Tài nguyên và Môi trường	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan	2024-2025
1.3	Dựa trên dữ liệu về rừng và vùng trồng phân định các vùng có nguy cơ phá rừng cao, trung bình, thấp			2024-2025
1.4	Xây dựng và công nhận cơ sở quốc gia về vùng trồng; xây dựng cơ chế chia sẻ và phản hồi thông tin	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan	2024-2025

✓

STT	Các nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Tiếp tục xây dựng và triển khai hoạt động truy xuất nguồn gốc theo chuỗi cung ứng đến vùng, có gắn với định vị điểm (Points) và ranh giới số (Polygon) của từng vườn đối với các ngành hàng bị ảnh hưởng bởi EUDR	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan	2024 – 2025
3	Tăng cường triển khai công tác quản lý bảo vệ rừng, giám sát biến động rừng, kiểm kê theo dõi diễn biến rừng; xây dựng cơ sở dữ liệu, bản đồ hiện trạng rừng	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên
4	Xây dựng và triển khai các mô hình chuyển đổi sinh kế bền vững tại các vùng rủi ro	Sở Nông nghiệp và PTNT	Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan	2024 -2025
IV	Xây dựng và vận hành cơ chế đối thoại và đàm phán với EU và các quốc gia thành viên về EUDR và các quy định khác			
1	Xây dựng kênh đối thoại thường xuyên với EU	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Ngoại vụ; Các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan	2024-2025
2	Tổng hợp, chia sẻ thông tin định kỳ			Hàng năm
V	Huy động nguồn lực			
1	Huy động hỗ trợ tài chính, kỹ thuật của các tổ chức quốc tế, khu vực tư nhân hỗ trợ các chuỗi giá trị ngành hàng thích ứng với EUDR	Sở Nông nghiệp và PTNT	Sở Ngoại vụ và các sở, ban, ngành; UBND các huyện, thị xã và thành phố và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Thường xuyên

STT	Các nhiệm vụ	Cơ quan chủ trì	Cơ quan phối hợp	Thời gian thực hiện
2	Huy động các nguồn lực theo hợp tác công tư, trên cơ sở kế thừa những dữ liệu, thông tin sẵn có của địa phương; xây dựng nguồn kinh phí đối ứng để thực hiện kế hoạch giải pháp thích ứng với Quy định không gây mất rừng của EU cho các ngành hàng nông, lâm sản trên địa bàn tỉnh.	UBND các huyện, thị xã và thành phố	Sở Nông nghiệp và PTNT và các sở, ban, ngành và các tổ chức, cá nhân có liên quan	Hàng năm